

Biên Hòa, ngày 11 tháng 11 năm 2022

Số: **1977/2022/QĐST-HNGĐ**

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 2 Điều 396; khoản 4 Điều 397; khoản 2 Điều 149; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986;

Căn cứ vào Điều 55, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 118 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 2770/2022/TLST-VHNGĐ, ngày 28/10/2022 về việc “yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976
 2. Bà Trịnh Thụy Hồng S, sinh năm 1980
- Cùng địa chỉ: TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Ông H và bà S tự nguyện chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai vào ngày 19/9/2000, nên căn cứ 5, 6, 8 Luật hôn nhân và gia đình năm 1986, xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

Ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thụy Hồng S khai, trong quá trình vợ chồng chung sống, thời gian đầu vợ chồng hạnh phúc. Từ năm 2011, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống và tính cách không phù hợp dẫn đến thường xuyên bất hòa, không tìm được tiếng nói chung. Nhiều lần vợ chồng tìm cách để hàn gắn nhưng không có kết quả. Ông bà đã ly thân từ năm 2012 đến nay và không còn tình cảm gì với nhau. Nhận thấy mâu thuẫn đã trầm trọng không thể hàn gắn, đoàn tụ, cuộc sống chung không thể kéo

dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên hai vợ chồng tôi thống nhất thuận tình ly hôn

[2] Về con chung: Ông Hải, bà S xác định, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/3/2002 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 04/10/2007. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao giao cháu Nguyễn Hoàng P1 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Cháu Nguyễn Hoàng P đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về cấp dưỡng: Vợ chồng thỏa thuận, Ông H cấp dưỡng nuôi cháu P1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thuy Hồng S phải chịu lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

[6] Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành ngày 03 tháng 11 năm 2022 là thực sự tự nguyện và không vi phạm điều cấm của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Các đương sự đã thỏa thuận được với nhau về việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung. Sự thỏa thuận của ông Hải, bà S đảm bảo quyền lợi chính đáng của vợ và con. Do đó, đủ cơ sở để Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa chấp nhận đơn yêu cầu của ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thuy Hồng S.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự, cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn của ông Nguyễn Thanh H, sinh năm 1976 và bà Trịnh Thuy Hồng S, sinh năm 1980.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Hoàng P, sinh ngày 20/3/2002 và Nguyễn Hoàng P1, sinh ngày 04/10/2007. Ly hôn, vợ chồng thỏa thuận giao giao cháu Nguyễn Hoàng P1 cho bà S trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi con trưởng thành và có khả năng lao động. Cháu Nguyễn Hoàng P đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về cấp dưỡng: Vợ chồng thỏa thuận, ông Nguyễn Thanh H cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Hoàng P1 mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng). Nghĩa vụ cấp dưỡng chấm dứt thực hiện theo quy định tại Điều 118 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, ông Hải, bà S có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Ông H(không trực tiếp nuôi con) có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở. Vì quyền lợi của trẻ, khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

2. Về lệ phí: Ông Nguyễn Thanh H và bà Trịnh Thuy Hồng S mỗi người phải chịu 150.000 đồng lệ phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào 300.000đ tiền tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu số 0004458 ngày 21/10/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKSND thành phố Biên Hòa;
- Chi cục THADS Tp.Biên Hòa;
- UBND nơi đăng ký kết hôn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Lê Thị Tám